Số: 7531/KH-UBND
Thời gian ký: 12/07/2024 14:12:07 +07:00

Phụ lục I

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

(Kèm theo kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với kế hoạch 2024 (%)	KH năm 2025 so với ước thực hiện 2024 (%)	
I	**Hợp tác xã**										
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	38	40	41	42	200%	44	100%	100%	
	Trong đó:										
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	29	31	32	33	200%	35	100%	100%	
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	2	2	3	*4*	200%	2	100%	100%	
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	1	2	-	2	100%	3	150%	150%	
	Số hợp tác xã đạt loại tốt, khá (*)	HTX	11	11	11	11	100%	15	100%	100%	
	Số HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản	HTX	3	3	3	3	100%	5	100%	100%	
	Số HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị	HTX	3	3	3	3	100%	5	100%	100%	
	Số HTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	HTX	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Số HTX có thành viên là doanh nghiệp	HTX	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Số HTX có thành viên là người nước ngoài	HTX	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Số xã đạt chuẩn tiêu chí 13.1 về HTX trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	Xã									
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	1.501	1.540	1.540	1.540	100%	1.710	100%	100%	
	Trong đó:										
	Số thành viên mới	Thành viên									
	Số thành viên ra khỏi hợp tác xã	Thành viên									
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người									
	Trong đó:										
	Số lao động thường xuyên mới	Người									
	Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người									
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	38	40	41	42		44			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với kế hoạch 2024 (%)	KH năm 2025 so với ước thực hiện 2024 (%)	
	Trong đó:										
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	5	5	6	7		7			
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	1	1	2	3		4			
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	250,3			295,7		301			
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm	50,2			60,5		65,5			
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm									
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm									
II	**Liên hiệp hợp tác xã**										
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX									
	Trong đó:										
	Sô liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động	LH HTX									
	Sô liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX									
	Sô liên hiệp HTX giải thê	LH HTX									
	Sô LHHTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	LH HTX									
2	Tông sô hợp tác xã thành viên	HTX									
3	Tông sô lao động trong liên hiệp HTX	Người									
4	Doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm									
5	Lãi bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm									
III	**Tô hợp tác**										
1	Tổng số tổ hợp tác	THT	126			127		130			
	Trong đó:										
	Sô THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT	126			127		130			
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên									
	Trong đó:										

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với kế hoạch 2024 (%)	KH năm 2025 so với ước thực hiện 2024 (%)	
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên									
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm									
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm									

(*) Theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của BKHĐT về hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX

Phụ lục II

SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

(Kèm theo kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2023 (%)	Kế hoạch	KH năm 2025 so với kế hoạch 2024 (%)	KH năm 2025 so với ước thực hiện 2024 (%)	
1	**HỢP TÁC XÃ**										
	Tổng số hợp tác xã	HTX	38	40	41	42	200%	44	100%	100%	
	Chia ra:										
	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm	HTX	15	16	16	16		17			
	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công	HTX									
	Hợp tác xã xây dựng	HTX									
	Hợp tác xã tín dụng	HTX	1	1	1	1		1			
	Hợp tác xã thương mại	HTX	7	7	7	7		7			
	Hợp tác xã vận tải	HTX	10	12	12	12		13			
	Hợp tác xã khác	HTX	5	4	5	6		6			
2	**LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**										
	Tổng số LH hợp tác xã	LHHTX									
	Chia ra:										
	LH hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm	LHHTX									
	LH hợp tác xã công nghiệp	LHHTX									
	LH hợp tác xã xây dựng	LHHTX									
	LH hợp tác xã tín dụng	LHHTX									
	LH hợp tác xã thương mại	LHHTX									
	LH hợp tác xã vận tải	LHHTX									
	LH hợp tác xã khác	LHHTX									
3	**TỔ HỢP TÁC**										
	Tổng số tổ hợp tác	THT									
	Chia ra:										
	Tổ hợp tác nông - lâm - ngư - diêm	THT	126			127		130			
	Tổ hợp tác công nghiệp - tiểu thủ công	THT									
	Tổ hợp tác xây dựng	THT									
	Tổ hợp tác tín dụng	THT									
	Tổ hợp tác thương mại	THT									
	Tổ hợp tác vận tải	THT									
	Tổ hợp tác khác	THT									

Phụ lục III

NHU CẦU VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2025

(Kèm theo kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024 (bao gồm cả chuyển nguồn năm 2023)						Kế hoạch 2025		Ghi chú
			Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	**Thành lập mới, củng cố tổ chức KTTT, HTX**										
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX									
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng									
2	**Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT**										
2.1	***Đào tạo***										
	- Số người được cử đi đào tạo	Người									
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng									
2.2	***Bồi dưỡng***										
	- Số người được tham gia bồi dưỡng	Người									
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng									
3	**Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT**										
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX									
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng									
4	**Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường**										
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX									
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng									
5	**Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm**										
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX									

	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng									
6	**Hỗ trợ khác (cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ)**	Tr đồng									
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX									
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng									

Phụ lục IV

NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2025

(Kèm theo kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

STT	Chỉ tiêu	Tổng mức đầu tư		Thực hiện 2024			Kế hoạch 2025	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó NSNN	Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm		
I	**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**							
1	**Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn**							
1.1	*Dự án….*							
	Dự án….							
2	**Dự án thuộc Chương trình MTQG…**							
1.1	*Dự án….*							
II	**NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**							
1	**Dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn**							
1.1	*Dự án….*							
1.2	*Dự án….*							
2	**Dự án thuộc Chương trình MTQG…**							
1.1	*Dự án….*							